

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 8 năm 2024

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Tiến Sứ

2/ Bà Trần Thị Kim Khuyên

***Thư ký phiên toà:*** Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:***  
Ông Ngô Trường Út - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 50/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** chị Trần Thị Ngọc Q, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn T, xã L, huyện L, Vĩnh Phúc, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***Bị đơn:*** anh Hà Tuấn A, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ dân phố C, thị trấn H, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08/4/2024 và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc Q trình bày:

Chị và anh Anh kết hôn ngày 06/12/2021, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng ở riêng tại thị trấn H. Quá trình vợ chồng chung sống đến

tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh A.

Về con chung: chị và anh A không có con chung, hiện nay chị không mang thai, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Tuấn A trình bày: Về thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian vợ chồng sống ly thân như chị Q trình bày là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án anh có xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Q. Tuy nhiên, đến ngày 23/4/2024 và tại phiên tòa, anh Tuấn A thay đổi ý kiến, anh không đồng ý ly hôn, vì liên quan đến phần tài sản chung chị Q chưa đồng ý giải quyết.

Về con chung: Anh và chị Q không có con chung, anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Q được ly hôn anh A; về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị Q và anh A không đề nghị giải quyết nên không xem xét; về án phí: chị Q phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc Q và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án.

Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Bị đơn là anh Hà Tuấn A có địa chỉ tại thị trấn H, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc Q vắng mặt nhưng đã có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Q theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Ngọc Q và anh Hà Tuấn A là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung hòa thuận được thời gian ngắn đến tháng 7/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay. Chị Q xác định vợ chồng không còn tình cảm, xin được ly hôn anh Hà Tuấn A; anh A không đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị Q và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài nhưng không có biện pháp hàn gắn, anh Hà Tuấn A trong quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 16/4/2024 anh Tuấn A xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị Q, Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16/4/2024. Tuy nhiên, ngày 23/4/2024 anh A thay đổi ý kiến và không đồng ý ly hôn với chị Q. Tại phiên tòa, anh Tuấn A vẫn đề nghị được đoàn tụ, nhưng lý do xin đoàn tụ là do vợ chồng chưa thống nhất được việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến tài sản chung. Việc anh Tuấn A xin đoàn tụ với lý do như trên thể hiện phần nào việc anh xin đoàn tụ là không thực tâm, chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy, đề nghị của chị Q xin ly hôn anh Tuấn A là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: chị Quỳnh, anh Tuấn A đều xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị Q, anh Tuấn A không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho chị Trần Thị Ngọc Q được ly hôn anh Hà Tuấn A.

Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc Q phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000194 ngày 08/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND thị trấn H
- Các đương sự
- Lưu hai bản.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Nga**